

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2022/HS-PT

Ngày: 23-11-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phụng

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Quán

Ông Nguyễn Thiện Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Dương Phát - Thư Ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**

Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 161/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022, do có kháng cáo của bị cáo Võ Văn B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2022/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

*Bị cáo kháng cáo:* **Võ Văn B**, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1977 tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Ấp R, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con của ông Võ M2 (chết) và bà Liêu Thị Đ1 (chết); có vợ tên Lê Thị L, sinh năm 1980; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/3/2022 cho đến nay, có mặt.

*Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo không triệu tập:*

**- Bị hại:** Nguyễn Tấn L1, sinh năm 1986 (đã chết).

*Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khu phố 4, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958.

3. Ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp 5, xã B1, huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 1/26 B2, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Trọng C2, sinh năm 1997.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết L2, sinh năm 1974.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 55 phút ngày 02/01/2022, bị cáo Võ Văn B không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 61L6-76\*\* lưu thông trên đường M3 theo hướng từ ngã ba M3, xã M3 Nam, huyện Đ, tỉnh Long An đi chợ Đ2, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi điều khiển xe đến giao lộ giữa đường M3 và đường nhựa thuộc ấp Mới 1, xã M3 Nam, huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo B điều khiển xe chuyển hướng rẽ trái vào đường nhựa thuộc ấp Mới 1, xã M3 Nam nên xe do bị cáo B điều khiển va chạm vào xe mô tô biển số 54Y6-17\*\* do Nguyễn Tấn L1 điều khiển lưu thông đúng tuyến ngược chiều xe của bị cáo B gây ra tai nạn giao thông. Hậu quả vụ tai nạn làm cho Nguyễn Tấn L1 tử vong tại chỗ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 36/2022/KLGD ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận nguyên nhân tử vong của Nguyễn Tấn L1 do bị chấn thương sọ não nặng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về hóa pháp số HST 13/ĐC.2022 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh kết luận nồng độ Ethanol trong máu của Nguyễn Tấn L1 là 171,32mg/100ml.

Tại Kết luận giám định số 538/KL-KTHS ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận: Số khung của chiếc xe mô tô ba bánh nêu trên đã bị cắt hàn ghép. Số máy của chiếc xe mô tô ba bánh nêu trên không phát hiện đục sửa, không phát hiện cắt hàn ghép (Số máy nguyên thủy là: LX163ML\*TC010318\*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2022/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An đã xử:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 106, Điều 333 Bộ luật Tổ tụng Hình sự; Điều 584, 591 Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Võ Văn B phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Võ Văn B 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí, về quyền và thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 19/9/2022 bị cáo Võ Văn B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Võ Văn B thừa nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là nặng, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Võ Văn B kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn B thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và xét xử, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho người đại diện theo pháp luật của bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo phạm tội do có một phần lỗi của bị hại là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 3 năm tù. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Thấy rằng: Bị cáo kháng cáo có bổ sung thêm tình tiết là hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Võ Văn B, sửa Bản án sơ thẩm 98/2022/HS-ST ngày 06

tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo Võ Văn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Võ Văn B kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị cáo Võ văn B khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Khoảng 14 giờ 55 phút ngày 02/01/2022, tại giao lộ giữa đường M3 và đường nhựa thuộc ấp Mới 1, xã M3 Nam, huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo Võ Văn B không có giấy phép lái xe theo quy định, có hành vi điều khiển xe mô tô ba bánh có số khung đã bị cắt hàn ghép, số máy: LX163ML\*TC010318\* lưu thông trên đường M3 theo hướng ngã 3 M3 đi chợ Đình rẽ trái vào đường nhựa thuộc ấp Mới 1, xã M3 Nam, huyện Đ, tỉnh Long An nhưng không nhường đường cho xe mô tô hai bánh biển số 54Y6-17\*\* do Nguyễn Tấn L1 điều khiển lưu thông đúng tuyến ngược chiều xe của bị cáo B. Hậu quả làm cho ông Nguyễn Tấn L1 tử vong tại hiện trường. Như vậy, hành vi của bị cáo Võ Văn B đã vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ, gây thiệt hại cho tính mạng của ông Nguyễn Tấn L1, có đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Văn B: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và xét xử, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho người đại diện theo pháp luật của bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị hại có lỗi một phần là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 3 năm tù. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo biết và pháp luật buộc bị cáo phải biết khi tham gia giao thông phải tuyệt đối tuân theo các quy định về luật giao thông đường bộ và phải có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật. Thế nhưng, trong lúc điều khiển xe mô tô ba bánh, bị cáo chuyển hướng qua trái không chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn nên gây ra tai nạn giao thông, hậu quả làm cho ông

Nguyễn Tấn L1 tử vong tại hiện trường. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo có bổ sung tình tiết là hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có việc làm ổn định, là lao động chính trong gia đình là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo. Đối với bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng cho bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn B, sửa Bản án hình sự sơ thẩm 98/2022/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, giảm một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Võ Văn B không thuộc trường hợp phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn B. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2022/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Võ Văn B.

Tuyên bố bị cáo Võ văn B phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Văn B 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Võ Văn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Phụng**